



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1090/KH-UBND

Quảng Bình, ngày 28 tháng 5 năm 2025

**KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Thực hiện Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 895/QĐ-TTg 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến các tổ chức, cá nhân, chủ rừng trên địa bàn tỉnh bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, định hướng, giải pháp và xây dựng lộ trình triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

- Phân công trách nhiệm cụ thể của các Sở, ngành, địa phương, đơn vị trong tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

2. Yêu cầu

Xác định các nội dung công việc, thời gian, tiến độ hoàn thành và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, bảo đảm sự phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 895/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tập trung rà soát, điều chỉnh, phân định ranh giới 3 loại rừng; rà soát, điều chỉnh, xác lập các khu rừng đặc dụng, phòng hộ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; rà soát đánh giá tổng thể việc thực hiện quy hoạch trong từng giai đoạn thực hiện quy hoạch.

3. Tổ chức điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và xây dựng cơ sở dữ liệu; triển khai giao rừng cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

4. Tập trung phát triển rừng trồng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu tập trung cho chế biến; nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng lâm nghiệp. Đồng thời thu hút, phát triển các dự án chế biến lâm sản công nghệ cao tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

5. Xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

6. Huy động, bố trí vốn ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác; vốn tín dụng từ tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; thu từ dịch vụ môi trường rừng và cho thuê môi trường rừng; đầu tư, đóng góp, ủng hộ, tài trợ từ tổ chức, cá nhân; nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các dự án, hoạt động ưu tiên trong Quy hoạch lâm nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg. Cụ thể:

(Nội dung thực hiện cụ thể tại các Phụ lục đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhằm nâng cao trách nhiệm trong triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; đồng thời, để thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, dự án có liên quan đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan:

Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan; tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; thực hiện nghiêm trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp quy định tại Điều 102 của Luật Lâm nghiệp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ chuyên ngành trong quy hoạch lâm nghiệp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch lâm nghiệp đảm bảo phù hợp với quy hoạch chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai rà soát, xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; cập nhật nội dung các quy hoạch, đề án, dự án liên quan đang thực hiện trên địa bàn bảo.

đảm tính thống nhất đồng bộ giữa các Quy hoạch có liên quan; tuân thủ các định hướng về phát triển lâm nghiệp tại địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực tài chính khác để thực hiện các nội dung của Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai nhiệm vụ trọng tâm thực hiện quy hoạch: (i) điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; (ii) phân định ranh giới rừng, đóng mốc phân định ranh giới rừng; (iii) giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; (iv) lập hồ sơ quản lý rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; (v) xử lý tranh chấp, lấn chiếm đất đai có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp trên địa bàn; (vi) Tổ chức phân vùng chi tiết rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh để tổ chức sản xuất, quản lý đảm bảo phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được duyệt và các quy định hiện hành. Xây dựng bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và quy hoạch tỉnh.

- Triển khai các giải pháp nhằm bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao chất lượng rừng trồng; duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 ở mức 68%.

3. Sở Tài chính:

Huy động các nguồn lực, bố trí ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công và nguồn vốn sự nghiệp để triển khai quy hoạch theo quy định của pháp luật; phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh các nội dung liên quan trong Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật trong phạm vi của địa phương; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch.

- Chỉ đạo các các phòng, ban có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu thực hiện Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia tại địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng

cao ý thức bảo vệ rừng của người dân dân. Thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển rừng, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, chọn giống có chất lượng cao phục vụ phát triển rừng sản xuất, rừng gỗ lớn. Tăng cường công tác trồng rừng; nâng cao diện tích trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn. Thực hiện các biện pháp bảo vệ, phát triển lâm sản ngoài gỗ có giá trị, khai thác hợp lý và bền vững các loại lâm sản ngoài gỗ...

- Rà soát, xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ. Ưu tiên thực hiện chính sách giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đối với diện tích do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý nhằm phát huy hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân.

5. Các ban quản lý rừng, các công ty lâm nghiệp

- Tổ chức thực hiện các nội dung Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia phù hợp với tình hình phát triển của đơn vị. Tăng cường ứng dụng công nghệ, kỹ thuật trong các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng, phát triển rừng và chế biến thương mại lâm sản và nâng cao kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên lâm phận quản lý.

- Rà soát, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án chuyển loại rừng phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Yêu cầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở ngành, địa phương, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, xử lý./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; (B/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Các BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;
- Các C.ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn;
- Lưu: VT, CVNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục I

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 1090/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
1	Rà soát, điều chỉnh ranh giới, phân định ranh giới 3 loại rừng, cụ thể trên thực địa, trên bản đồ và lập hồ sơ quản lý rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương
2	Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến và xây dựng cơ sở dữ liệu rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương
3	Rà soát, điều chỉnh, xác lập các khu rừng đặc dụng, phòng hộ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương
4	Phát triển rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung cho chế biến; nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương
5	Phối hợp xây dựng, triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; Hoàn thiện các điều kiện để triển khai thực hiện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương
6	Thu hút, phát triển các dự án chế biến lâm sản công nghệ cao tại các khu công nghiệp, khu kinh tế và cụm công nghiệp	Các Sở: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, BQL Khu kinh tế	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng
7	Tổ chức triển khai việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm, đặc biệt đất có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa phương	Các Sở, ngành, địa phương
8	Khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lâm nghiệp quốc gia và chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương
9	Rà soát đánh giá việc thực hiện quy hoạch giai đoạn 2021 - 2025, tham mưu UBND tỉnh đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030 nếu cần thiết.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương
10	Xây dựng mới hệ thống đường lâm nghiệp; duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường lâm nghiệp theo quy định; xây dựng mới các công trình hạ tầng lâm sinh phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCC.	Các sở, ngành, địa phương, chủ rừng	Các Sở, ngành, địa phương

Phụ lục II

Các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 1090/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Chương trình/Đề án	Đơn vị thực hiện	Nguồn vốn		
			Ngân sách	ODA	Khác
I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH				
1	Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1722/KH-UBND ngày 20/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Sở Dân tộc và tôn giáo, các sở, ngành/địa phương (Theo phân công tại Kế hoạch số 1722/KH-UBND ngày 20/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	X		
2	Chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+) đến năm 2030 (Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành/địa phương (Theo phân công tại Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	X	X	X
3	Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 2803/KH-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành/địa phương (Theo phân công tại Kế hoạch số 2803/KH-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	X	X	X
4	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025, 2026-2030 (Giai đoạn 2021-2025 phê duyệt Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch kèm theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh).	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành/địa phương (Theo phân công tại Kế hoạch kèm theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	X	X	X

TT	Chương trình/Đề án	Đơn vị thực hiện	Nguồn vốn		
			Ngân sách	ODA	Khác
5	Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết 37/NQ-CP ngày 17/3/2023)	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương tham mưu khi Trung ương ban hành chương trình			
II	CÁC ĐỀ ÁN				
1	Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương tham mưu	X	X	X
2	Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương tham mưu	X	X	X
3	Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 4099/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành/địa phương (Theo phân công tại Quyết định số 4099/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	X	X	X
4	Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu	X	X	X
5	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương tham mưu	X	X	X
6	Đề án Nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng chống thiên tai đến năm 2030 (Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch 973/KH-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, địa phương (Theo phân công tại Kế hoạch 973/KH-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh)	X	X	X
7	Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1226/KH-UBND	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, địa phương (theo phân công tại	X	X	X

TT	Chương trình/Đề án	Đơn vị thực hiện	Nguồn vốn		
			Ngân sách	ODA	Khác
	ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh)	Kế hoạch số 1226/KH-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh)			
8	Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” (Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1547/KH-UBND ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành/địa phương (theo phân công tại Kế hoạch số 1547/KH-UBND ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	X	X	X
9	Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với trồng rừng gỗ lớn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2025 (Quyết định số 4246/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành/địa phương (theo phân công tại Quyết định số 4246/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	X	X	X